SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐẮK LẮK
TRƯỜNG THPT EA SÚP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 34 /BC-THPTES

Ea Súp, ngày 20 tháng 10 năm 2026

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường THPT Ea Súp

2. Địa chỉ:

- Số 09, Chu Văn An, xã Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk.
- Điện thoại: 02623688075.
- Email: thpt.easup@daklak.edu.vn
- Website: https://c3easup.daklak.edu.vn/

3. Loại hình: Đơn vị sự nghiệp công lập.

4. Sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục

- Sứ mệnh: Xây dựng nhà trường đạt chất lượng cao, môi trường giáo dục lành mạnh, thân thiện, giúp học sinh làm chủ kiến thức phổ thông; biết vận dụng hiệu quả kiến thức vào đời sống và tự học suốt đời.

Học sinh được định hướng lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với năng lực; có khát vọng vươn lên và có đóng góp tích cực vào sự phát triển của địa phương, đất nước.

- Tầm nhìn: Trường THPT Ea Súp thuộc top đầu về đổi mới, sáng tạo, chất lượng giáo dục. Xây dựng trường tiếp cận với xu hướng giáo dục hiện đại để đáp ứng xu thế hội nhập quốc tế.

- Mục tiêu: Duy trì công tác kiểm định chất lượng giáo dục và phấn đấu đạt trường chuẩn quốc gia mức độ 2. Xây dựng nhà trường tiên tiến có mô hình giáo dục ngày càng hiện đại phù hợp với xu thế hội nhập quốc tế, phát triển nhanh và bền vững.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục

- Trường được thành lập ngày 09/8/1986 theo Quyết định số 880/QĐ-UB của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk có tên gọi Trường Phổ thông trung học Ea Súp;

- Đến ngày 12/9/2002 trường đổi tên thành trường Trung học phổ thông Ea Súp theo quyết định số 2470/QĐ-UB của UBND tỉnh Đắk Lắk.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ

- Họ và tên: Lê Quang Trường.
- Chức vụ: Hiệu trưởng.
- Địa chỉ nơi làm việc: Số 09, Chu Văn An, xã Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk.
- Điện thoại: 02623688075
- Email: eas@thpteasup.edu.vn

7. Tổ chức bộ máy

a) Quyết định thành lập

Quyết định số 880/QĐ-UB ngày 9/8/1986 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc thành lập Trường Phổ thông trung học Ea Súp; Quyết định số 2470/QĐ-UBND ngày 12/9/2002 của UBND tỉnh Đắk Lắk đổi tên Trường PTTH Ea Súp thành trường Trung học phổ thông Ea Súp.

b) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

TT	Họ và tên	Chức vụ	Trích yếu
1	Lê Quang Trường	Hiệu trưởng	Quyết định số 315/QĐ-SGDĐT ngày 25/7/2025 của Giám đốc Sở GD&ĐT Đắk Lắk về việc bổ nhiệm viên chức quản lý.
2	Huỳnh Trung Hiếu	Phó Hiệu trưởng	Quyết định số 317/QĐ-SGDĐT ngày 25/7/2025 của Giám đốc Sở GD&ĐT Đắk Lắk về việc bổ nhiệm viên chức quản lý.
3	Nguyễn Văn Uý	Phó Hiệu trưởng	Quyết định số 787/QĐ-SGDĐT ngày 9/10/2025 của Giám đốc Sở GD&ĐT Đắk Lắk về việc bổ nhiệm lại cán bộ quản lý.

c) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục

- Quy chế tổ chức và hoạt động: Trường THPT Ea Súp được tổ chức và hoạt động theo Điều lệ trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số 15/2026/TT-BGDĐT ngày 24/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn:

+ Xác định tầm nhìn, sứ mạng, các giá trị cốt lõi của nhà trường; xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

+ Tổ chức thực hiện chương trình giáo dục phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; xây dựng và triển khai kế hoạch giáo dục nhà trường đáp ứng yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông, phù hợp với điều kiện thực tiễn, nhu cầu và đặc điểm của học sinh.

+ Quyết định phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động giáo dục, bao gồm tổ chức thực hiện chương trình giáo dục phổ thông; hoạt động trải nghiệm, giáo dục STEM/STEAM, năng lực số, trí tuệ nhân tạo (AI), hướng nghiệp, kỹ năng sống, giáo dục hội nhập, giáo dục hòa nhập và các hoạt động giáo dục tăng cường theo nhu cầu, sở thích chính đáng của học sinh, phù hợp với quy định của pháp luật; không vi phạm quy định về dạy thêm, học thêm. Chủ động triển khai hoặc phối hợp với tổ chức khoa học và công nghệ, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có chức năng trong hoạt động giáo dục, nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo để thực hiện chương trình giáo dục theo quy định của pháp luật.

+ Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng giáo dục, tập trung vào đổi mới phương pháp dạy học và đánh giá học sinh, phát triển đội ngũ, tăng cường điều kiện bảo đảm chất lượng, nâng cao hiệu quả quản trị nhà trường và đạt chuẩn quốc gia. Tham gia các kỳ đánh giá quốc gia, quốc tế về chất lượng giáo dục phổ thông theo yêu cầu của các cơ quan quản lý giáo dục quốc gia và địa phương.

+ Thực hiện chuyển đổi số trong giáo dục phổ thông và quản trị nhà trường; ứng dụng công nghệ thông tin, nền tảng số trong dạy học, kiểm tra, đánh giá và quản lý; phát triển, sử dụng học liệu số; quản lý, khai thác, kết nối dữ liệu giáo dục theo quy định, bảo đảm an toàn, bảo mật thông tin.

+ Tuyển sinh, tiếp nhận, quản lý học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tổ chức thực hiện giáo dục bắt buộc đối với cấp tiểu học và trung học cơ sở. Nhận bảo trợ và quản lý các hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học và cấp trung học cơ sở theo sự phân công của cấp có thẩm quyền.

+ Quản lý, thực hiện chế độ, chính sách đối với giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục, nhân sự hỗ trợ giáo dục theo quy định của pháp luật; tổ chức cho giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục, nhân sự hỗ trợ giáo dục, học sinh tham gia các hoạt động xã hội; thực hiện quy chế dân chủ trong trường học.

+ Phối hợp với gia đình, cộng đồng trong giáo dục học sinh, tổ chức các hoạt động tư vấn học sinh, chăm sóc sức khỏe thể chất, tinh thần cho học sinh và tổ chức các hoạt động xã hội; xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, dân chủ, kỷ cương; phòng, chống tiêu cực, bạo lực học đường và các hành vi vi phạm pháp luật trong nhà trường; thực hiện công bằng trong tiếp cận giáo dục.

+ Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, sách giáo khoa bảo đảm sử dụng hiệu quả, tiết kiệm; huy động và sử dụng các nguồn lực xã hội hóa phục vụ hoạt động dạy và học trong nhà trường theo quy định của pháp luật.

+ Thực hiện trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục trong quản lý các hoạt động giáo dục; bảo đảm việc tham gia của học sinh, gia đình và xã hội trong quản lý các hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật. Thực hiện công khai về cam kết chất lượng giáo dục, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.

+ Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

d) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục

TT	Họ và tên	Chức vụ	Điện thoại	Email	Nhiệm vụ chính
1	Lê Quang Trường	Hiệu trưởng	0975089953	truongearok@gmail.com	Quản lý chung

2	Huỳnh Trung Hiếu	Phó Hiệu trưởng	0913839843	huynhtrunghieues@gmail.com	Phụ trách công tác chuyên môn.
3	Nguyễn Văn Uý	Phó Hiệu trưởng	0357397850	vanuyrungxanh@gmail.com	Phụ trách CSVC, công tác nề nếp, đoàn thể.

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục

- Quyết định số 24/ QĐ-THPTES ngày 13 tháng 10 năm 2026 về việc Ban hành Quy chế hoạt động chuyên môn trường THPT Ea Súp năm học 2026 – 2027;
- Quyết định số 26/ QĐ-THPTES ngày 13 tháng 10 năm 2026 về việc Ban hành Nội quy học sinh trường THPT Ea Súp năm học 2026 – 2027;
- Quyết định số 27/QĐ-THPTES ngày 13 tháng 10 năm 2026 về việc Ban hành Quy tắc ứng xử của cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên trường THPT Ea Súp năm học 2026 – 2027;
- Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2026 (Ban hành kèm theo Quyết định số 21/QĐ-THPTES ngày 02/01/20256 của Trường THPT Ea Súp).

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Thống kê số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên theo nhóm vị trí việc làm, trình độ đào tạo và chuẩn nghề nghiệp

TT	Vị trí việc làm		Số lượng	Trình độ đào tạo						Chuẩn nghề nghiệp		
				T. sĩ	Th. sĩ	ĐH	CĐ	TC	LĐ PT	Tốt	Khá	Đạt
1	Lãnh đạo, quản lý	Hiệu trưởng	01		01					01		
2		Phó Hiệu trưởng	02		02					02		
3		Giáo viên THPT hạng III	55		04	51						
4		Thiết bị thí nghiệm	01			01						
5	Chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung	Thư viện viên hạng IV	01					01				
6		Kế toán viên trung cấp	01			01						
7		Văn thư viên	01			01						

		trung cấp										
8	Chức danh nghề nghiệp hỗ trợ, phục vụ	Y tế học đường	01					01				
9		Nhân viên bảo vệ	01						01			
Tổng			64		7	54		2	1			

2. Thống kê số lượng, tỉ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định

STT	Đối tượng	Số lượng	Hoàn thành bồi dưỡng TX		Chưa hoàn thành BDTX	
			Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
1	Hiệu trưởng	01	01	100%	0	0%
2	Phó Hiệu trưởng	02	02	100%	0	0%
3	Giáo viên	55	55	100%	0	0%
4	Nhân viên	06	06	100%	0	0%

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Diện tích, điểm trường

Stt	Nội dung	Số lượng	Bình quân	Yêu cầu tối thiểu	So với yêu cầu tối thiểu
1	Diện tích	17.534	14 m^2/hs	10 m^2/hs	Đạt
2	Số điểm trường	0	0	0	0

2. Số lượng, hạng mục phòng hành chính, quản trị; Khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật:

TT	Nội dung	Số lượng	Bình quân	Yêu cầu tối thiểu	So với yêu cầu tối thiểu
I	**Khối phòng hành chính, quản trị**				
1	Phòng Hiệu trưởng	01	-	Đầy đủ thiết bị, máy móc văn phòng	Đạt
2	Phòng Phó Hiệu trưởng	02	-	Đầy đủ thiết bị, máy móc văn phòng	Đạt
3	Văn phòng	01	-	Đầy đủ thiết bị, máy móc văn phòng	Đạt
4	Phòng bảo vệ	01	-	Đặt ở lối vào của trường, có vị trí quan sát thuận lợi	Đạt
5	Khu vệ sinh cán bộ, giáo viên, nhân viên	02		Nam/Nữ riêng; Vị trí thuận tiện; không làm ảnh hưởng môi trường	Đạt
6	Khu để xe cán bộ, giáo viên, nhân viên	01	-	Có mái che, đủ chỗ	Đạt
II	**Khối phòng học tập**				

1	Phòng học được trang bị đầy đủ bàn ghế, bảng lớp, hệ thống đèn, hệ thống quạt	32	1,1 phòng/lớp	0,6 phòng/lớp, 1,5m2/HS	Mức độ 1
2	Phòng học bộ môn Âm nhạc	-	-	01 phòng, 2,45m2/HS	Chưa đạt
3	Phòng học bộ môn Mĩ thuật	-	-	01 phòng, 2,45m2/HS	Chưa đạt
4	Phòng học bộ môn Công nghệ	-	-	01 phòng, 2,5m2/HS	Chưa đạt
5	Phòng học bộ môn Tin học	02	-	01 phòng, HS	Mức độ 1
6	Phòng học bộ môn Ngoại ngữ	01	-	01 phòng, 2 m2 HS	Mức độ 1
7	Phòng đa chức năng	01	-	01 phòng, 2 m2 HS	Đạt
8	Phòng bộ môn Vật lý	01	-	01 phòng, 2 m2 HS	Mức độ 1
9	Phòng bộ môn Hóa học	01	-	01 phòng, 2 m2 HS	Mức độ 1
10	Phòng bộ môn Sinh học	01	-	01 phòng, 2 m2/HS	Mức độ 1
11	Phòng học bộ môn KHXH	-	-	01 phòng, 1,5m2/HS	Chưa đạt
III	**Khối phòng hỗ trợ học tập**				
1	Thư viện có các khu chức năng: kho sách, khu quản lý, khu đọc sách riêng cho giáo viên, học sinh	83m2		60m2, 0,6m2/HS	Mức độ 1
2	Phòng thiết bị giáo dục trang bị đầy đủ giá, tủ	100m2 (chung)	-	03 phòng, 100m2	Mức độ 1
3	Phòng Tư vấn học đường	48m2 (chung)	-	01 phòng, 48m2	Mức độ 1
4	Phòng Truyền thống	0	-	0	Đạt
5	Phòng Đoàn Thanh niên	49m^2	0,03m^2/HS	01 phòng, 0,02m^2/HS	Tối thiểu
IV	**Khối phụ trợ**				
1	Phòng họp toàn thể cán bộ , giáo viên và nhân viên trang bị đầy đủ thiết bị	130m^2	2 m^2/người	01 phòng, 1,2m^2/người	Mức độ 2
2	Phòng các tổ chuyên môn trang bị đầy đủ thiết bị	122.5m^2	-	08 phòng, 17m^2	Mức độ 1
3	Phòng Y tế trường học, có tủ thuốc với các loại thuốc thiết yếu, dụng cụ sơ cứu, giường bệnh.	17m^2	-	01 phòng, 24m^2	Mức độ 1
4	Nhà kho để dụng cụ chung và học phẩm	0 m^2	-	0	Chưa đạt

5	Khu để xe học sinh: có mái che	1000m^2	1,2m^2/HS	01, 2,5m^2/HS	Mức độ 1
6	Khu vệ sinh học sinh: nam, nữ riêng biệt, vị trí thuận tiện	200m^2	0,16m^2/HS	02 khu, 0,06m^2/HS	Mức độ 2
7	Cổng trường kiên cố, vững chắc; hàng rào ngăn cách với bên ngoài đảm bảo vững chắc, an toàn				Đạt
V	**Khu sân chơi, thể dục thể thao**				
1	Có sân chung để tổ chức các hoạt động toàn trường, bằng phẳng, có cây xanh bóng mát	7000m^2	5,6m^2/HS	1,5m^2/HS	Mức độ 2
2	Sân thể dục thể thao đảm bảo an toàn, có dụng cụ, thiết bị vận động cho học sinh	4000m^2	3.2m^2/HS	0,35m^2/HS	Mức độ 2
VI	**Khối phục vụ sinh hoạt**				
1	Nhà bếp				
2	Kho bếp				
3	Nhà ăn				
4	Nhà ở nội trú học sinh				
5	Phòng Quản lý học sinh				
6	Phòng sinh hoạt chung				
VII	**Hạ tầng kĩ thuật**				
1	Hệ thống cấp nước sạch	Nước sạch	-	Đạt chuẩn	Đạt
2	Hệ thống cấp điện	Điện lưới	-	Đủ công suất, an toàn	Đạt
3	Hệ thống phòng cháy, chữa cháy	Có	-	Đảm bảo quy định	Đạt
4	Hạ tầng công nghệ thông tin, liên lạc, điện thoại; Kết nối internet	Có	-	Đảm bảo phục vụ các hoạt động	Đạt
5	Khu thu gom rác thải	Thùng chứa	-	Bố trí độc lập, lối ra vào riêng; Có khu thu gom hóa chất độc hại, thí nghiệm	Đạt
VIII	**Hạng công trình**				
1	Kiên cố	86%	-	>60%	Đạt
2	Bán kiên cố	14%	-	<40%	Đạt
IX	**Thiết bị dạy học**				
1	Số bộ thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định của Bộ GD&ĐT	Tổng hiện có (bộ)		Tối thiểu (bộ)	Chưa đạt
	- Môn Ngữ văn	57		75	Chưa đạt
	- Môn Toán	15		120	Chưa đạt
	- Môn Ngoại ngữ	84		104	Chưa đạt
	- Môn GDTC	46		144	Chưa đạt

	- Môn Lịch sử	45		66	Chưa đạt
	- Môn Địa lí	5		28	Chưa đạt
	- Môn GDKTPL	9		12	Chưa đạt
	- Môn Vật lí	27		215	Chưa đạt
	- Môn Hóa học	93		73	Đạt
	- Môn Sinh học	30		157	Chưa đạt
	- Môn Công nghệ (CN)	16		43	Chưa đạt
	- Môn Công nghệ (NN)	0		16	Chưa đạt
	- Môn Tin học	182		208	Chưa đạt
	- Môn Âm nhạc	1		8	Chưa đạt
	- Môn Mĩ thuật	0		123	Chưa đạt
	- HĐ TN, HN	0		351	Chưa đạt
	- Thiết bị dùng chung	10		14	Chưa đạt
2	Các phòng học bộ môn được trang bị đầy đủ bàn ghế, tủ, giá, kệ, hệ thống điện nước, hệ thống quạt, thông gió, thiết bị dạy học, thiết bị hỗ trợ, học liệu	Có			Chưa đạt
3	Tivi	Tổng 32 cái. Mới nhập 2026 (10 tivi sở cấp, 01 tivi tặng)			Đạt
4	Phòng máy tính	02 phòng (88 bộ máy tính)			
5	Phòng lab tiếng anh	01 phòng (41 bộ máy tính)			

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC (Nhà trường đang đánh giá ngoài)

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Số liệu học sinh

1.1. Kết quả tuyển sinh

Năm học	Chỉ tiêu được giao	Số lượng trúng tuyển	Tỉ lệ trúng tuyển	Số lượng nhập học	Tỉ lệ nhập học
2025-2026	484	484	100%	484	100%
2026 – 2027	528	527	99,8%	527	100%

1.2. Số liệu học sinh chia theo khối lớp năm học 2025-2026

STT	Nội dung	Khối 10	Khối 11	Khối 12	Toàn trường
1	Số lớp	11	9	9	29
2	Số học sinh	460	370	378	1208
3	Số HS học lớp 2 buổi/ngày	-	-	-	-
4	Số học sinh nữ	255	228	228	696

5	Học sinh người DTTS	167	81	81	328
6	Học sinh khuyết tật	04	02	0	06
7	Học sinh chuyển trường đi	03	0	01	04
8	Học sinh chuyển trường đến	02	02	01	05

2. Kết quả đánh giá học sinh năm học 2025-2026

2.1. Kết quả học tập

Khối	T. Số	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
		T.số	%	T.số	%	T.số	%	T.số	%
Khối 10	460	67	14.6	199	43.3	180	39.1	14	3.04
Khối 11	370	91	24.6	260	70.3	19	5.14	0	0
Khối 12	378	148	39.2	222	58.7	8	2.12	0	0
Tổng	1208	306	25.3	681	56.4	207	17.1	14	1.16

2.2. Kết quả rèn luyện

Khối	T. Số	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
		T.số	%	T.số	%	T.số	%0	T.số	%
Khối 10	460	370	80.4	75	16.3	14	3.04	1	0.22
Khối 11	370	*342*	92.4	24	6.49	4	1.08	0	0
Khối 12	378	370	97.9	6	1.59	2	0.53	0	0
Tổng	1208	1082	89.6	105	8.69	20	1.66	1	0.08

2.3. Số học sinh được lên lớp, không được lên lớp

Khối	Tổng số HS	Số HS được lên lớp thẳng	Số HS được lên lớp sau kiểm tra lại	Số HS không được lên lớp
Khối 10	460	446	03	11
Khối 11	370	370	0	0
Tổng	830	760	03	11

2.4. Số học sinh hoàn thành chương trình GDPT, TN THPT, trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, các trường đại học

Khối	Tổng số học sinh	Số HS hoàn thành CT GDPT	Số HS TN THPT	Số HS trúng tuyển các cơ sở GD nghề nghiệp và trúng tuyển đại học
12	378	378	375	203

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính của đơn vị

1.1. Các khoản thu năm 2026

STT	Nội dung	Số tiền (đồng)	Ghi chú
1	Ngân sách nhà nước	24.248.000.000	
2	Học phí công lập	1.931.000.000	
3	Kinh phí tài trợ và hợp đồng bên ngoài	-	
4	Nguồn thu khác	188.800.000	

1.2. Các khoản chi năm 2026

STT	Nội dung	Số tiền (đồng)	Ghi chú
1	Chi lương và thu nhập	14.866.000.000	
2	Chi cơ sở vật chất và dịch vụ	1.728.000.000	
3	Chi hỗ trợ người học	6.543.000.000	
4	Chi khác	2.351.000.000	

2. Các khoản thu và mức thu đối với người học

STT	Nội dung	Năm học 2025-2026	Năm học 2026-2027	Ghi chú
1	Học phí công lập	Miễn	Miễn	
2	Tiền học thêm	Miễn	Miễn	
3	Tiền trông coi phương tiện tham gia giao thông	- Xe đạp: 180.000đ/năm - Xe máy: 360.000đ/năm	- Chưa có văn bản hướng dẫn, tạm chưa thu	Thu đối với HS gửi xe tại nhà xe của nhà trường
4	Bảo hiểm y tế	568.620 đồng/học sinh/năm	683.100 đồng/học sinh/năm	
5	Tiền hợp đồng thuê dọn vệ sinh nhà vệ sinh HS	80.000đ/HS/năm	90.000đ/HS/năm	Thỏa thuận với CMHS
6	Kinh phí hoạt động của BĐD hội CMHS	Không triển khai	Không triển khai	
7	Nước uống	80.000đ/HS/năm	90.000đ/HS/năm	Thỏa thuận với CMHS

3. Kết quả thực hiện chính sách về trợ cấp và miễn giảm học phí, học bổng đối với người học

STT	Nội dung	Số tiền (đồng)	Ghi chú
1	Miễn, giảm học phí	1.869.660.000	
2	Học bổng	0	
3	Trợ cấp,chính sách hỗ trợ người học	1.466.100.000	

4. Số dư các quỹ theo quy định

STT	Nội dung	Số tiền (đồng)	Ghi chú
1	Nguồn kinh phí tự chủ (13)	0	
2	Nguồn kinh phí không tự chủ (12)	0	

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Nhà trường đã tổ chức thực hiện có hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với lớp 10, 11, 12; hoàn thành nội dung chương trình theo khung thời gian năm học.

2. Xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường, bố trí sử dụng hiệu quả đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất và thiết bị dạy học; tiếp tục đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học; triển khai có hiệu

quả các hoạt động giáo dục trong nhà trường.

3. Có biện pháp nâng cao chất lượng giáo dục đại trà và giáo dục mũi nhọn; Thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao chất lượng dạy học ngoại ngữ và phong trào học ngoại ngữ.

4. Tăng cường nền nếp, kỷ cương trường học; tiếp tục đẩy mạnh xây dựng văn hóa học đường, thực hiện tốt công tác phòng chống bạo lực học đường, tai nạn thương tích và đuối nước; chủ động phòng, chống và ứng phó với thiên tai, dịch bệnh.

5. Thực hiện công tác kiểm định chất lượng giáo dục; chú trọng công tác giáo dục dân tộc và giáo dục khuyết tật; đẩy mạnh hoạt động giáo dục hướng nghiệp, phân luồng học sinh và giáo dục khởi nghiệp trong nhà trường.

6. Thực hiện hiệu quả hoạt động bồi dưỡng để nâng cao năng lực nghề nghiệp cho đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên đáp ứng yêu cầu đổi mới; phát huy vai trò của lực lượng đội ngũ cốt cán trong các hoạt động chuyên môn.

7. Tiếp tục đổi mới công tác quản lí, quản trị trường học, nêu cao trách nhiệm của người đứng đầu trong thực hiện nhiệm vụ năm học, xây dựng các định hướng, quy định, kế hoạch và tổ chức hoạt động dạy học, giáo dục học sinh một cách linh hoạt, chủ động trên cơ sở tự chủ, có trách nhiệm giải trình.

8. Sử dụng có hiệu quả tài liệu, học liệu, thiết bị dạy học, thư viện trường học đáp ứng yêu cầu đổi mới dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục; đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý và dạy học.

9. Triển khai và tổ chức, tham gia có hiệu quả các kỳ thi, cuộc thi; kịp thời nhân rộng những mô hình, điển hình tiên tiến trong quản lý, dạy học.

10. Huy động các nguồn lực trong và ngoài nhà trường; làm tốt công tác xã hội hóa giáo dục trong xây dựng cơ sở vật chất và thi đua, khen thưởng.

11. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát trong quá trình tổ chức thực hiện; thực hiện và quản lý chặt chẽ hoạt động dạy thêm, học thêm./.

Trên đây là báo cáo theo Thông tư 09/2024/BGD-ĐT của trường THPT Ea Súp.

HIỆU TRƯỞNG

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH ĐẮK LẮK
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG EA SÚP

Lê Quang Trường